

Số: 521/2024/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 997/BC-KTNS ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về các nội dung sau:

1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm thuộc dự toán mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, gồm:

a) Tài sản công được quy định tại Điều 20 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14.

b) Tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

c) Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quy định tại khoản 2 điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; khoản 29 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP và Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP (sau đây gọi là hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin).

d) Hàng hóa là thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế.

đ) Hàng hóa, dịch vụ còn lại bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội từ nguồn ngân sách địa phương đảm bảo đối với đơn vị thuộc lực lượng vũ trang Nhân dân; không bao gồm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản này và không phải là tài sản công (sau đây gọi là hàng hóa, dịch vụ khác).

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động, khai thác và xử lý tài sản công được quy định tại Điều 20 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, gồm: phương án giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

4. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

5. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bao gồm: thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

6. Thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công không quy định cụ thể tại Quy định này thì được thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ được giao, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy (*sau đây gọi là Văn phòng Huyện ủy*) là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện mua sắm, thuê tài sản và thu hồi tài sản được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản (điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) của Văn phòng Huyện ủy tại điểm d khoản 2 Điều 25, điểm d khoản 2 Điều 26, điểm d khoản 3 Điều 27, điểm d khoản 2 Điều 28, điểm d khoản 2 Điều 29 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị quyết này.

3. Đối với cơ quan Đảng, việc thẩm quyền mua sắm tài sản công thực hiện theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP; việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thì thực hiện theo Nghị quyết này.

4. Đơn vị lực lượng vũ trang Nhân dân, các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên (*sau đây gọi là các đơn vị khác*) trong việc mua sắm từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

5. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm thuộc dự toán mua sắm

Thẩm quyền quyết định mua sắm thuộc dự toán mua sắm trong trường hợp không phải lập thành dự án được thực hiện như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và phương tiện vận tải khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Đối với mua sắm tài sản công; các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; hàng hóa, dịch vụ khác trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm từ 01 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy (*sau đây gọi là Văn phòng Huyện ủy*) và các đơn vị khác. Trường hợp mua sắm từ 100 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất để thông qua trước khi quyết định.

b) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh (*sau đây gọi là đơn vị dự toán cấp I*), đơn vị dự toán cấp dưới thuộc, trực thuộc đơn vị dự toán cấp I (*sau đây gọi là đơn vị trực thuộc*), các đơn vị khác quyết định mua sắm dưới 01 tỷ đồng cho một lần mua sắm tại cơ quan, đơn vị.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) quyết định mua sắm từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần mua sắm tại Văn phòng Huyện ủy, các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện (*sau đây gọi là đơn vị trực thuộc huyện*); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã*).

d) Đơn vị trực thuộc huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm dưới 500 triệu đồng cho một lần mua sắm tại cơ quan, đơn vị.

3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán mua sắm từ 01 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định mua sắm từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng cho một lần mua sắm.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định mua sắm dưới 500 triệu đồng cho một lần mua sắm.

4. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa là thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm từ 03 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm theo đề nghị của Sở Y tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

b) Sở Y tế quyết định mua sắm từ 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng cho một lần mua sắm tại cơ quan, đơn vị trực thuộc.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế - dân số thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quyết định mua sắm dưới 01 tỷ đồng tại đơn vị.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này.

6. Đối với tài sản công, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia, cấp tỉnh) các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định của Chính phủ, của Bộ Tài chính, của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Thuê tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản cho đơn vị dự toán cấp I, đơn vị trực thuộc đơn vị dự toán cấp I theo đề nghị của Sở Tài chính.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản cho đơn vị trực thuộc huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Văn phòng Huyện ủy quyết định thuê tài sản trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và các phương tiện vận tải khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đề nghị của Sở Tài chính.

2. Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này tại đơn vị dự toán cấp I, đơn vị trực thuộc đối với tài sản có nguyên giá ghi trên sổ kế toán từ 03 tỷ đồng trở lên cho 01 lần thu hồi tài sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này tại đơn vị trực thuộc huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

4. Các đơn vị dự toán cấp I quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, đơn vị trực thuộc đối với tài sản có nguyên giá ghi trên sổ kế toán dưới 03 tỷ đồng cho 01 lần thu hồi tài sản.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và các phương tiện vận tải khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo đề nghị của Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này giữa đơn vị trực thuộc huyện; giữa đơn vị trực thuộc huyện và cấp xã và giữa các xã, phường, thị trấn thuộc huyện.

4. Đơn vị dự toán cấp I quyết định điều chuyển tài sản công trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này giữa cơ quan và đơn vị trực thuộc.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công theo hình thức đấu giá đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đề nghị của Sở Tài chính và các cơ quan liên quan.

Đối với tài sản công là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp mà tài sản trên đất có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 tỷ đồng trở lên thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất để thông qua trước khi quyết định bán theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính quyết định bán tài sản công theo hình thức đấu giá đối với xe ô tô và tài sản có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 03 tỷ đồng trở lên cho 01 lần bán tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này

a) Các đơn vị dự toán cấp I quyết định bán tài sản công có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng cho 01 lần bán tài sản tại cơ quan, đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 3 tỷ đồng cho 01 lần bán tài sản tại đơn vị trực thuộc huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quyết định bán tài sản công tại cơ quan, đơn vị trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên cho 01 lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đề nghị của Sở Tài chính và cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất) cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ trở lên đến dưới 10 tỷ đồng cho 01 lần thanh lý.

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

3. Đơn vị dự toán cấp I, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng cho 01 lần thanh lý tại cơ quan, đơn vị trực thuộc.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy: cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quyết định tiêu hủy.

2. Đối với tài sản công bị tịch thu phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 10. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đề nghị của Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, đơn vị trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Danh mục tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được khai thác quy định tại khoản 1 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, được bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công là di tích lịch sử văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của cơ quan, đơn vị.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan, đơn vị trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh)

Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản không bao gồm các tài sản là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương quyết định tịch thu

1. Đơn vị dự toán cấp I quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản không bao gồm các tài sản là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô do cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp tỉnh tịch thu, trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản không bao gồm các tài sản là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô do cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trên địa bàn huyện quyết định tịch thu, trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý, xử lý tài sản.

3. Đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng: giao cho đơn vị chủ trì quản lý lập, phê duyệt phương án xử lý và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định thu hồi, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 26 của Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện quản lý trừ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật thuộc tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trái với quy định tại Nghị quyết này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo nội dung của văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.

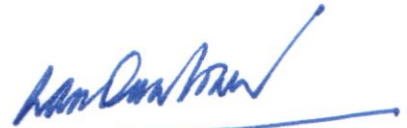
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai mươi ba nhất trí thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024; có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên. / *krus*

Nơi nhận: *nh*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Các Bộ: Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế); Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB QPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Công TTĐT đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^M.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn